

Bản án số: 438/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-06-2023
V/v: Yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái, Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 184/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2023 về việc “Tranh chấp Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1968
Thường trú: Phường X, Quận Y, Tp. Hồ Chí Minh
Tạm trú: phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1968
Thường trú: xã T, huyện T, Tp. Cần Thơ.
Tạm trú: xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 17 tháng 03 năm 2023 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống với nhau không hạnh phúc xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2016 hai người đã không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà Nguyễn Thị T đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N

Về con chung: Có 01 người con chung, tên Nguyễn N Bảo N, sinh ngày 07/01/2011, giới tính nữ. Hiện con chung đang sinh sống với bà T. Vì vậy, bà T xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/04/2023 và tại phiên hoà giải ngày 20/4/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông N và T sống chung từ năm 2006, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thường mâu thuẫn, ông N đã không còn chung sống với bà T từ năm 2016, nay trước yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà T, ông Nhà cũng đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông N với bà T.

Về con chung: Có 01 người con chung, tên Nguyễn N Bảo N, sinh ngày 07/01/2011, giới tính nữ. Hiện con chung đang sinh sống với bà T. Ông Nguyễn Văn N đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai của trẻ Nguyễn N Bảo N ngày 17/4/2023 thì nguyện vọng của trẻ Ngọc là được chung sống với mẹ là bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử công khai lời trình bày của các đương sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh bà Vũ Thị Thái, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N chung sống với nhau không đăng ký kết hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng, giao con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, và ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung: tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, về nợ chung không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn N đang cư trú tại địa chỉ: Nhà không số, tổ 4, Ấp 1A, xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N sống chung với nhau từ năm 2009 đến nay nhưng không làm thủ tục Đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N là hôn nhân không hợp pháp.

Theo kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và của Ủy ban nhân dân xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ thể hiện bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N chưa đăng ký kết hôn với nhau.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Nay bà Nguyễn Thị T có yêu cầu Tòa án không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N là vợ chồng là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N

[2.2]. Về con chung: Có 01 người con chung, tên Nguyễn N Bảo N, sinh ngày 07/01/2011, giới tính nữ. Hiện con chung đang sinh sống với bà T. Bà Nguyễn Thị T xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con chung, trẻ Nguyễn N Bảo N có lời khai và có nguyện vọng được sống cùng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N có lời khai đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Văn N không cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T.

Giao con chung tên Nguyễn N Bảo N, sinh ngày 07/01/2011, giới tính nữ cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Nguyễn Văn N cho đến khi bà Nguyễn Thị T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do đó, Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232, Điều 238; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Có 01 người con chung, tên Nguyễn N Bảo N, sinh ngày 07/01/2011, giới tính nữ. Hiện con chung đang sinh sống với bà Nguyễn Thị T.

Giao con chung tên Nguyễn N Bảo N, sinh ngày 07/01/2011, giới tính nữ cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Nguyễn Văn N cho đến khi bà Nguyễn Thị T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N xác nhận tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0042690 ngày 07/03/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Lê Long Toàn